



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Tuyên Quang

Số 58

Ngày 22 tháng 9 năm 2026

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Trang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

17 - 9 - 2026 Quyết định số 118/2026/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức Nghi lễ thượng cờ, chào cờ, hạ cờ; quản lý, sử dụng Quốc kỳ tại Cột cờ Quốc gia Lũng Cú. 02

18 - 9 - 2026 Quyết định số 119/2026/QDDUBND quy định cụ thể danh mục tài sản công cho thuê, tiêu chí, mức hỗ trợ, hình thức hỗ trợ, trình tự, thủ tục cho thuê nhà, đất là tài sản công trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. 15

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

19 - 9 - 2026 Quyết định số 2310/QĐ-UBND điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Quyết định số 1539/QĐ-UBND ngày 11/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030. 19

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANGCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 118/2026/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 17 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức Nghi lễ thượng cờ, chào cờ, hạ cờ;
quản lý, sử dụng Quốc kỳ tại Cột cờ Quốc gia Lũng Cú**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Biên giới Quốc gia số 06/2003/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 66/2020/QH14;

Căn cứ Luật Biên phòng Việt Nam số 66/2020/QH14 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 98/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 03/2019/NĐ-CP của Chính phủ về phối hợp giữa Bộ Công an và Bộ Quốc phòng trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và nhiệm vụ quốc phòng;

Căn cứ Thông tư số 24/2026/TT-BQP của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về ban hành Điều lệnh Quản lý bộ đội Quân đội nhân dân Việt Nam;

Theo đề nghị của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế tổ chức Nghi lễ thượng cờ, chào cờ, hạ cờ; quản lý, sử dụng Quốc kỳ tại Cột cờ Quốc gia Lũng Cú.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức Nghi lễ thượng cờ, chào cờ; quản lý, sử dụng Quốc kỳ tại Cột cờ Quốc gia Lũng Cú.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 9 năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành Quy chế quản lý, sử dụng cờ Tổ quốc treo tại Cột cờ Quốc gia Lũng Cú.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Phan Huy Ngọc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Tổ chức Nghi lễ thượng cờ, chào cờ, hạ cờ;
quản lý, sử dụng Quốc kỳ tại Cột cờ Quốc gia Lũng Cú**
*(ban hành kèm theo Quyết định số 118/2026/QĐ-UBND ngày 17/9/2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy chế này quy định về việc tổ chức Nghi lễ thượng cờ, chào cờ, hạ cờ; quản lý, sử dụng; trao tặng; lưu giữ, bảo quản Quốc kỳ tại Cột cờ Quốc gia Lũng Cú, thuộc xã Lũng Cú, tỉnh Tuyên Quang;

b) Những nội dung không được quy định trong Quy chế này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở: Tài chính; Ngoại vụ; Giáo dục và Đào tạo; Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Lực lượng vũ trang tỉnh;

c) Báo và Phát thanh - Truyền hình Tuyên Quang;

d) Ủy ban nhân dân xã Lũng Cú;

đ) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức Nghi lễ thượng cờ, chào cờ, hạ cờ; quản lý, sử dụng, trao tặng, lưu giữ, bảo quản

1. Nghi lễ thượng cờ, chào cờ, hạ cờ phải được thực hiện thống nhất, đúng trình tự, thời gian, mục đích, đối tượng; bảo đảm chặt chẽ, trang nghiêm, an toàn, tạo ấn tượng tốt đẹp với Nhân dân, du khách trong nước và quốc tế.

2. Công tác quản lý, sử dụng, trao tặng, lưu giữ, bảo quản Quốc kỳ phải được thực hiện công khai, minh bạch. Nghiêm cấm việc tổ chức Nghi lễ thượng cờ, chào cờ, hạ cờ để quảng bá kinh doanh, tư lợi cá nhân và các hành vi xâm hại, thiếu chuẩn mực, làm tổn hại đến giá trị văn hóa, lịch sử và ý nghĩa thiêng liêng của Cột cờ Quốc gia Lũng Cú.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Quốc kỳ treo tại Cột cờ Quốc gia Lũng Cú

Quốc kỳ treo tại Cột cờ Quốc gia Lũng Cú là Quốc kỳ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam rộng 54m² (có chiều dài 09m, chiều rộng 06m), có ý nghĩa tượng trưng cho ý chí, nguyện vọng và tinh thần đại đoàn kết của 54 dân tộc cùng chung sống trên đất nước Việt Nam.

Điều 4. Đối tượng được tổ chức Nghi lễ thượng cờ, chào cờ, hạ cờ

1. Nghi lễ thượng cờ và Nghi lễ hạ cờ

a) Các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo Đảng, Nhà nước; các đồng chí Ủy viên, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy viên Trung ương Đảng; lãnh đạo các Ban, Bộ, Ngành Trung ương; Thủ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị Quân đội Nhân dân Việt Nam; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; Lãnh đạo tỉnh Tuyên Quang; Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội các tỉnh, thành phố; Thủ trưởng Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Quân khu, Quân chủng, Binh chủng, Quân đoàn và tương đương; Thủ trưởng Bộ Tham mưu, các Cục thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Bộ Tư lệnh Quân khu và tương đương đến làm việc, tham quan tại Cột cờ Quốc gia Lũng Cú;

b) Các đoàn khách Quốc tế cấp cao đến làm việc, tham quan tại Cột cờ Quốc gia Lũng Cú.

2. Nghi lễ chào cờ

Đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương có nhu cầu tổ chức Nghi lễ chào cờ để giáo dục truyền thống, lịch sử, lan tỏa giá trị, tinh thần yêu nước, tinh thần dân tộc, nâng cao ý thức của mỗi người dân Việt Nam trong sự nghiệp bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia.

Điều 5. Các trường hợp tổ chức Nghi lễ thượng cờ, chào cờ, hạ cờ

1. Tổ chức Nghi lễ thượng cờ, chào cờ, hạ cờ trong các dịp lễ, Tết, sự kiện chính trị, lịch sử quan trọng của đất nước, của tỉnh và lực lượng vũ trang.
2. Tổ chức Nghi lễ thượng cờ, hạ cờ rú trong thời gian tổ chức Lễ Quốc tang.
3. Tổ chức Nghi lễ thượng cờ, chào cờ, hạ cờ rút gọn trong các trường hợp khác.

Điều 6. Các trường hợp không tổ chức Nghi lễ thượng cờ, chào cờ, hạ cờ

1. Khi đang trong thời gian sửa chữa các hạng mục, công trình có liên quan tại Cột cờ Quốc gia Lũng Cú.
2. Khi có yêu cầu từ cấp có thẩm quyền để bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.
3. Trong thời gian tổ chức Lễ Quốc tang.
4. Khi điều kiện thời tiết, khí hậu hoặc các yếu tố khách quan khác không đảm bảo an toàn cho người, vũ khí, trang bị để tổ chức Nghi lễ.

Điều 7. Trình tự đăng ký và tổ chức thực hiện Nghi lễ thượng cờ, chào cờ, hạ cờ

1. Đoàn Biên phòng Lũng Cú, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh là đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương, cá nhân liên quan tổ chức Nghi lễ thượng cờ, chào cờ, hạ cờ tại Cột cờ Quốc gia Lũng Cú.

2. Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy chế này khi có yêu cầu tổ chức Nghi lễ thượng cờ, chào cờ, hạ cờ tại Cột cờ Quốc gia Lũng Cú, gửi văn bản thông báo đến Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng trước ít nhất 04 ngày làm việc. Sau khi nhận được văn bản thông báo, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng có trách nhiệm thông báo đến Đoàn Biên phòng Lũng Cú trước ít nhất 02 ngày làm việc để triển khai

công tác chuẩn bị. Trường hợp không chấp thuận, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị.

3. Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy chế này khi tổ chức Nghi lễ chào cờ tại Cột cờ Quốc gia Lũng Cú phải gửi văn bản đề nghị đến Đoàn Biên phòng Lũng Cú trước ít nhất 03 ngày làm việc để xem xét, quyết định và phối hợp làm tốt công tác chuẩn bị. Trường hợp không chấp thuận, Đoàn Biên phòng Lũng Cú phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị.

Điều 8. Trang phục khi dự Nghi lễ thượng cờ, chào cờ, hạ cờ

1. Đối với lực lượng làm nhiệm vụ của Đoàn Biên phòng Lũng Cú thực hiện theo quy định của Điều lệnh Quản lý bộ đội và quy định tổ chức Nghi lễ trong Quân đội.

2. Các thành phần khác mặc trang phục theo quy định của lực lượng, hoặc trang phục sạch sẽ, gọn gàng, lịch sự, không mặc phản cảm (khuyến khích mặc trang phục truyền thống của các dân tộc Việt Nam, hoặc lễ phục ngành, nhằm tôn vinh bản sắc dân tộc); thái độ nghiêm túc, tự giác chấp hành các quy định và hướng dẫn của lực lượng chức năng.

Điều 9. Quản lý, sử dụng Quốc kỳ

1. Đoàn Biên phòng Lũng Cú là đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì bảo vệ Cột cờ Quốc gia Lũng Cú, có trách nhiệm trực tiếp quản lý, sử dụng; lưu giữ, bảo quản Quốc kỳ mới và Quốc kỳ đã qua sử dụng.

2. Đối với Quốc kỳ mới: Khi giao, nhận Đoàn Biên phòng Lũng Cú phải tiến hành kiểm tra đúng quy cách, màu sắc, tỷ lệ, kích thước, bố cục (đảm bảo yêu cầu mới tiếp nhận), sau đó thống kê vào sổ theo dõi, quản lý, bảo quản, sử dụng đúng quy định.

3. Đối với Quốc kỳ *treo tại Cột cờ Quốc gia Lũng Cú* khi bị rách, bạc màu, sòn mép không đảm bảo tính trang nghiêm, Đoàn Biên phòng Lũng Cú có trách nhiệm thay thế Quốc kỳ mới.

4. Đối với Quốc kỳ đã qua sử dụng (đã hạ): Sau khi hạ, Quốc kỳ phải được kiểm tra, phân loại, gấp gọn và thống kê vào sổ theo dõi, trong đó thể hiện các thông

tin: Số thứ tự, ngày thượng cờ, ngày hạ cờ và tình trạng của Quốc kỳ; được lưu giữ, bảo quản tại Đồn Biên phòng Lũng Cú theo quy định.

a) Trường hợp Quốc kỳ đủ điều kiện để trao tặng, Đồn Biên phòng Lũng Cú thực hiện việc trao tặng theo quy định tại Điều 10 Quy chế này và thống kê vào sổ theo dõi, trong đó thể hiện các thông tin: Tên cơ quan, đơn vị trao tặng; tên cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận Quốc kỳ;

b) Trường hợp Quốc kỳ không bảo đảm điều kiện để trao tặng, Đồn Biên phòng Lũng Cú thống kê vào sổ theo dõi, lưu giữ và bảo quản riêng, bảo đảm trang nghiêm, phù hợp với ý nghĩa, giá trị thiêng liêng của Quốc kỳ; nghiêm cấm sử dụng Quốc kỳ vào các mục đích trái với quy định của pháp luật.

Điều 10. Tặng Quốc kỳ đã được thượng cờ tại Cột cờ Quốc gia Lũng Cú

1. Các đối tượng được tặng Quốc kỳ, bao gồm: Các đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Quy chế này; các sở, ban, ngành, lực lượng vũ trang tỉnh Tuyên Quang và các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp có nhiều đóng góp cho sự phát triển của tỉnh Tuyên Quang đến làm việc, tham quan tại Cột cờ Quốc gia Lũng Cú.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khi có đề nghị tặng Quốc kỳ đã thượng cờ tại Cột cờ Quốc gia Lũng Cú để tặng các tổ chức, cá nhân đến thăm và làm việc tại tỉnh Tuyên Quang hoặc đi thăm, làm việc tại các địa phương, đơn vị khác ngoài tỉnh, gửi văn bản đề nghị đến Đồn Biên phòng Lũng Cú trước ít nhất 03 ngày để chuẩn bị và thực hiện thủ tục xác nhận tặng cờ theo quy định.

3. Quốc kỳ sau khi sử dụng phải được xác nhận trực tiếp trên Quốc kỳ trước khi tặng. Nội dung xác nhận gồm: Số cờ, kích thước cờ; ngày thượng cờ; ngày hạ cờ; do đồng chí Đồn trưởng hoặc Chính trị viên Đồn Biên phòng Lũng Cú trực tiếp ký, đóng dấu (theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này).

Điều 11. Công tác đảm bảo

1. Bảo đảm an ninh, trật tự

a) Phạm vi bảo vệ: Khu vực Cột cờ Quốc gia Lũng Cú;

b) Đối tượng bảo vệ: Các đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy chế này;

- c) Đơn vị chủ trì: Đoàn Biên phòng Lũng Cú;
- d) Lực lượng phối hợp: Ban Chỉ huy Quân sự xã Lũng Cú; Công an xã Lũng Cú;

đ) Thời gian bảo vệ: Trước và sau khi thực hiện Nghi lễ 15 phút.

2. Bảo đảm hậu cần

- a) Bảo đảm Quốc kỳ: Kích thước chiều dài 09m, chiều rộng 06m;
- b) Bảo đảm mang mặc, mang đeo: Thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về tiêu chuẩn quân trang, trang phục nghiệp vụ.

3. Bảo đảm kỹ thuật

- a) Bảo đảm kỹ thuật hệ thống Cột cờ: Kiểm tra tình trạng hoạt động trước khi thực hiện Nghi lễ 30 phút;
- b) Bảo đảm hệ thống âm thanh: Kiểm tra tình trạng hoạt động trước khi thực hiện Nghi lễ 30 phút;
- c) Bảo đảm hệ thống chiếu sáng: Vận hành hệ thống chiếu sáng Cột cờ và các khu vực khác có liên quan;
- d) Bảo đảm thông tin liên lạc: Hệ thống, phương tiện liên lạc đầy đủ, hoạt động tốt để phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận chỉ huy, bộ phận Nghi lễ và các đơn vị liên quan trong quá trình thực hiện Nghi lễ thượng cờ, chào cờ, hạ cờ.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Chủ trì, chịu trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra thực hiện; đồng thời tiếp nhận, tổng hợp, đề xuất giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các nội dung của Quy chế này;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân xã Lũng Cú tổ chức tuyên truyền, phổ biến các nội dung của Quy chế;

c) Lãnh đạo, chỉ đạo Đoàn Biên phòng Lũng Cú thực hiện tốt nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới; nhiệm vụ bảo vệ Cột cờ

Quốc gia Lũng Cú và công tác quản lý, sử dụng, tặng, lưu giữ, bảo quản Quốc kỳ; hướng dẫn cụ thể về trang phục, vũ khí, trang bị, đội hình, trình tự các bước tổ chức Nghi lễ thượng cờ, chào cờ, hạ cờ; quy cách, hình thức của hộp đựng cờ để đảm bảo tính trang trọng, linh thiêng của Quốc kỳ;

d) Căn cứ quy định của pháp luật, hằng năm Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Lũng Cú xây dựng dự toán kinh phí, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài chính) hỗ trợ từ ngân sách địa phương đảm bảo các điều kiện cần thiết để tổ chức Nghi Lễ thượng cờ, hạ cờ, quản lý, sử dụng Quốc kỳ; công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại khu vực Cột cờ Quốc gia Lũng Cú theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và điều kiện của địa phương.

2. Sở Tài chính

Căn cứ đề nghị của Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng và Ủy ban nhân dân xã Lũng Cú, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ từ ngân sách địa phương đảm bảo các điều kiện cần thiết để tổ chức Nghi Lễ thượng cờ, chào cờ, hạ cờ, quản lý, sử dụng Quốc kỳ tại Cột cờ Quốc gia Lũng Cú theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và điều kiện của địa phương.

3. Công an tỉnh

Lãnh đạo, chỉ đạo Công an xã Lũng Cú phối hợp với Đoàn Biên phòng Lũng Cú xây dựng phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm và nhiệm vụ quốc phòng, an ninh ở khu vực biên giới, trọng tâm ở khu vực Cột cờ Quốc gia Lũng Cú, theo Nghị định số 03/2019/NĐ-CP về phối hợp giữa Bộ Công an và Bộ Quốc phòng trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và nhiệm vụ quốc phòng.

4. Sở Ngoại vụ

Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã Lũng Cú xem xét, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc hướng dẫn, tổ chức đón tiếp và quản lý hoạt động đối với các đoàn khách, du khách quốc tế, tổ chức phi chính phủ, phóng

viên, báo chí,... là người nước ngoài đến làm việc, tham quan tại Cột cờ Quốc gia Lũng Cú.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng và các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn các trường học tổ chức các hoạt động tìm hiểu; chương trình ngoại khóa cho học sinh, sinh viên tại Cột cờ Quốc gia Lũng Cú.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã Lũng Cú và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch gắn với các hoạt động tại Cột cờ Quốc gia Lũng Cú nhằm quảng bá, thu hút du khách trong và ngoài nước đến tham quan, du lịch.

7. Báo và Phát thanh - Truyền hình Tuyên Quang

Tăng cường xây dựng các chương trình quảng bá, giới thiệu, tuyên truyền về hoạt động tổ chức Nghi lễ thượng cờ, chào cờ và hạ cờ tại Cột cờ Quốc gia Lũng Cú, góp phần thu hút du khách trong nước và quốc tế đến tham quan, du lịch.

8. Đoàn Biên phòng Lũng Cú

a) Chủ trì, tham mưu, phối hợp tốt với cấp uỷ, chính quyền địa phương; lực lượng vũ trang và các cơ quan, đơn vị đang thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ, kịp thời phát hiện và áp dụng các biện pháp ngăn chặn, xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành đối với các hành vi gây rối an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và các hành vi xâm hại, thiếu văn hoá, thiếu chuẩn mực, làm tổn hại đến giá trị văn hóa, lịch sử và ý nghĩa thiêng liêng của Cột cờ Quốc gia Lũng Cú;

b) Phối hợp với cấp uỷ, chính quyền địa phương; lực lượng vũ trang và các cơ quan, đơn vị đang thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn tổ chức tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức của các tầng lớp nhân dân trong việc bảo vệ các giá trị văn hóa, lịch sử tại địa bàn bằng các hình thức phù hợp.

9. Ủy ban nhân dân xã Lũng Cú

a) Phối hợp với Đoàn Biên phòng Lũng Cú và các lực lượng chức năng, cơ quan, đơn vị có liên quan đang thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn làm tốt công tác quản lý, bảo vệ Cột cờ Quốc gia Lũng Cú; phối hợp với các lực lượng, các ngành hữu quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng trong việc bảo vệ các giá trị văn hóa, lịch sử tại địa bàn;

b) Chỉ đạo Ban Quản lý Cột cờ Quốc gia Lũng Cú, chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị, trong công tác đón tiếp, hướng dẫn, thuyết minh phục vụ các đoàn đến làm việc, tham quan; quần chúng nhân dân, du khách trong nước và quốc tế đến làm việc, tham quan tại Cột cờ Quốc gia Lũng Cú.

10. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân

a) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khi được tổ chức, tham dự Nghi lễ thượng cờ, chào cờ, hạ cờ có trách nhiệm tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật và Quy chế này; khi được tặng Quốc kỳ đã được treo tại Cột cờ Quốc gia Lũng Cú phải có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ, trưng bày tại nơi trang trọng, không sử dụng với mục đích thương mại, vụ lợi, các hành vi phản cảm và hành vi vi phạm pháp luật hiện hành khác;

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân, khách du lịch trong và ngoài nước đến tham quan Cột cờ Quốc gia Lũng Cú và tham gia các hoạt động trên địa bàn xã Lũng Cú phải có trách nhiệm, ý thức tự giác bảo vệ và chấp hành các nội quy, quy định của lực lượng chức năng, chính quyền địa phương, Ban Quản lý Cột cờ Quốc gia Lũng Cú và các quy định khác có liên quan;

c) Cộng đồng dân cư khu vực Cột cờ Lũng Cú có trách nhiệm bảo vệ, quản lý và phát huy giá trị văn hoá, lịch sử của Cột cờ Quốc gia Lũng Cú.

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế nếu có phát sinh vướng mắc hoặc có những quy định chưa phù hợp, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (qua Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng) bằng văn bản, đề tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung, bảo đảm đúng các quy định pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì được thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế./.

Phụ lục**NỘI DUNG XÁC NHẬN TRÊN QUỐC KỶ
TẠI CỘT CỜ QUỐC GIA LŨNG CÚ**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 118/2026/QĐ-UBND ngày 17/9/2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang)*

1. Vị trí xác nhận: Chính giữa Quốc kỳ.
2. Hình thức xác nhận: Sử dụng bút mực màu xanh, xác nhận trực tiếp trên Quốc kỳ.
3. Nội dung xác nhận:

**BAN CHỈ HUY BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG TỈNH TUYỀN QUANG
ĐỒN BIÊN PHÒNG LŨNG CÚ**

Kính tặng:... (cơ quan, đơn vị).

Quốc kỳ đã được thượng cờ trên Cột cờ Quốc gia Lũng Cú,
xã Lũng Cú, tỉnh Tuyền Quang, mang số hiệu:... , kích thước 54m²

Thời gian:

- Lễ thượng cờ ngày.../.../....
- Lễ hạ cờ ngày..../..../...

ĐỒN TRƯỞNG (HOẶC CHÍNH TRỊ VIÊN)

(Chữ ký, đóng dấu)

Cấp bậc họ và tên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 119/2026/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 18 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định cụ thể danh mục tài sản công cho thuê, tiêu chí, mức hỗ trợ,
hình thức hỗ trợ, trình tự, thủ tục cho thuê nhà, đất là tài sản công
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi,
bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15,
Luật số 31/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính
sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;*

*Căn cứ Nghị định số 108/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý,
sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao
cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác
được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 20/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và
hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5
năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư
nhân;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định cụ thể danh mục tài sản
công cho thuê, tiêu chí, mức hỗ trợ, hình thức hỗ trợ, trình tự, thủ tục cho thuê nhà,
đất là tài sản công trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định cụ thể danh mục tài sản công cho thuê, tiêu chí, mức

hỗ trợ, hình thức hỗ trợ, trình tự, thủ tục cho thuê nhà, đất là tài sản công trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị quyết số 198/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo được công nhận theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các văn bản hướng dẫn thi hành (sau đây gọi chung là doanh nghiệp)

b) Tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương.

c) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác.

Điều 2. Danh mục tài sản công cho thuê

Danh mục tài sản công cho thuê là nhà, đất không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương để cho thuê theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP.

Điều 3. Tiêu chí

Các doanh nghiệp quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 1 Quyết định này tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký thuê nhà, đất là tài sản công không nợ ngân sách nhà nước thì được hỗ trợ theo quy định tại Quyết định này.

Điều 4. Hình thức hỗ trợ, mức hỗ trợ

1. Hình thức hỗ trợ

Các doanh nghiệp quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 1 Quyết định này được hỗ trợ thuê nhà, đất là tài sản công theo các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều

của Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

2. Mức hỗ trợ

Được giảm tiền thuê nhà, cụ thể như sau:

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa: số tiền thuê nhà được hỗ trợ giảm bằng 30% tiền thuê nhà phải nộp theo hợp đồng.

b) Doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ: số tiền thuê nhà được hỗ trợ giảm bằng 40% tiền thuê nhà phải nộp theo hợp đồng.

c) Doanh nghiệp đổi mới sáng tạo: số tiền thuê nhà được hỗ trợ giảm bằng 50% tiền thuê nhà phải nộp theo hợp đồng.

d) Giảm tiền thuê nhà với số tiền được giảm bằng số tiền thuê đất được giảm theo quy định tại Nghị định số 230/2025/NĐ-CP Quy định các trường hợp khác được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Luật Đất đai năm 2024.

đ) Trường hợp doanh nghiệp thuộc nhiều nhóm đối tượng với các mức hỗ trợ khác nhau thì được giảm tiền thuê nhà theo chính sách với mức ưu đãi cao nhất.

Điều 5. Trình tự, thủ tục

1. Trình tự, thủ tục cho thuê thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP.

2. Trình tự, thủ tục miễn, giảm tiền thuê nhà thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/ND-CP.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2026.

2. Tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương được giao nhiệm vụ quản lý, khai thác nhà, đất theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/NĐ-CP tổ chức thực hiện giảm tiền thuê nhà cho các đối tượng được thuê nhà theo quy định.

3. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở, thủ trưởng ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Phan Huy Ngọc

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2310/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 19 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Quyết định số 1539/QĐ-UBND ngày 11/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân ngày 26 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Trí tuệ nhân tạo ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW;

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ

ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình phát triển Chính phủ số;

Căn cứ Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045;

Căn cứ Kế hoạch số 24-KH/TU ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về hành động chiến lược triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW;

Căn cứ Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Chiến lược dữ liệu tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1539/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang phê duyệt Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của

Chính phủ và Kế hoạch số 24-KH/TU ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 210/TTr-SKHCN ngày 08 tháng 9 năm 2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Quyết định số 1539/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030.

1. Điều chỉnh tên Chiến lược, tên và số thứ tự một số phụ lục, như sau:

a) Thay cụm từ **“Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030”** tại tên Quyết định, Điều 1 của Quyết định số 1539/QĐ-UBND và tên Chiến lược ban hành kèm theo bằng cụm từ **“Chiến lược Chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030, định hướng đến năm 2045”**.

b) Sửa tên Phụ lục I ban hành kèm theo Chiến lược thành **“Danh mục các mục tiêu chủ yếu đến năm 2030”**.

c) Chuyển Phụ lục II ban hành kèm theo Chiến lược thành Phụ lục III; các nội dung dẫn chiếu đến Phụ lục II của Chiến lược tại Quyết định số 1539/QĐ-UBND và Chiến lược ban hành kèm theo được sửa thành dẫn chiếu đến Phụ lục III.

2. Điều chỉnh căn cứ xây dựng Chiến lược, như sau:

Tại đoạn thứ nhất khoản 2 Mục I: Thay thế căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 bằng căn cứ Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045.

3. Điều chỉnh, bổ sung Mục III, như sau:

“III. TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045

1. Tầm nhìn đến năm 2030

Phát huy mọi tiềm năng, lợi thế, nguồn lực, động lực và không gian phát triển mới; bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện và nâng cao toàn diện đời sống nhân dân; phấn đấu đến năm 2030 là tỉnh phát triển khá, toàn diện, bền vững, có thu nhập trung bình cao trong vùng trung du và miền núi Bắc Bộ dựa trên nền tảng chuyển đổi số toàn diện, hiệu quả và bền vững. Đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; thực hiện đột phá về xây dựng hạ tầng số hiện đại; phát triển nguồn nhân lực số chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Chính quyền số của tỉnh hoạt động hoàn toàn trên môi trường số, được vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ hiện đại; đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi với chất lượng, tính minh bạch và hiệu quả cao. Kinh tế số trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng, chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong GRDP của tỉnh; xã hội số được hình thành rộng khắp, người dân làm chủ công nghệ, tích cực tham gia đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế - xã hội. Hệ sinh thái số của tỉnh phát triển đồng bộ, lấy dữ liệu làm nền tảng, hạ tầng số làm trọng tâm, nhân lực số làm then chốt, hướng tới xây dựng Tuyên Quang trở thành tỉnh thông minh, chính quyền kiến tạo, xã hội kết nối, công dân số toàn diện.

2. Định hướng đến năm 2045

Đến năm 2045, Tuyên Quang trở thành tỉnh phát triển bền vững dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, dữ liệu và chuyển đổi số; chuyển đổi số được triển khai toàn diện, đồng bộ, sâu rộng và bao trùm, trở thành phương thức phát triển chủ đạo và động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và chất lượng cuộc sống của Nhân dân. Chính quyền số hiện đại, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả, quản trị dựa trên dữ liệu và trí tuệ nhân tạo; kinh tế số trở thành một trong những động lực phát triển chủ yếu; xã hội số phát triển an toàn, nhân văn, bao trùm; người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể và là đối tượng thụ hưởng của quá trình chuyển đổi số.

Hạ tầng số, dữ liệu số và nền tảng số của tỉnh được phát triển theo hướng hiện đại, xanh, an toàn, có năng lực dự phòng và phục hồi sau sự cố; kết nối đồng bộ với

hạ tầng số và hệ sinh thái dữ liệu quốc gia. Dữ liệu được quản trị, kết nối, chia sẻ, tái sử dụng và khai thác hiệu quả; trí tuệ nhân tạo được ứng dụng sâu rộng trong quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh và các lĩnh vực kinh tế - xã hội trọng điểm. Khoảng cách số giữa khu vực trung tâm với vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được thu hẹp căn bản; bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an toàn thông tin mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp trên môi trường số.”

4. Điều chỉnh, bổ sung Mục IV, như sau:

a) Sửa tên khoản 2 thành “2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030”.

b) Điều chỉnh, bổ sung một số mục tiêu cụ thể đến năm 2030 theo **Phụ lục I** ban hành kèm theo Quyết định này.

c) Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2, như sau:

“3. Mục tiêu đến năm 2045

Các mục tiêu chủ yếu đến năm 2045 và phân công cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá được xác định tại **Phụ lục II** của Chiến lược.”

5. Bổ sung khoản 10 vào Mục VI, như sau:

“10. Tăng cường hợp tác quốc tế

Chủ động tham gia các chương trình, sáng kiến và khuôn khổ hợp tác quốc tế về chuyển đổi số theo phân công, hướng dẫn của cơ quan Trung ương và phù hợp thẩm quyền của tỉnh; tăng cường trao đổi, học tập kinh nghiệm, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực hợp pháp phục vụ phát triển hạ tầng số, dữ liệu số, trí tuệ nhân tạo, an toàn thông tin mạng, nguồn nhân lực số và kinh tế số; bảo đảm hoạt động hợp tác thiết thực, hiệu quả, phù hợp đường lối đối ngoại và quy định của pháp luật.”

6. Bổ sung **Phụ lục II** “Danh mục các mục tiêu chủ yếu đến năm 2045” vào Chiến lược theo **Phụ lục II** ban hành kèm theo Quyết định này.

7. Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Phụ lục III, như sau:

a) Thay cụm từ “Tổng số: 72 nhiệm vụ” bằng cụm từ “Tổng số: 77 nhiệm vụ”.

b) Thay cụm từ “HOÀN THIỆN THỂ CHẾ SỐ (08 nhiệm vụ)” bằng cụm từ

“HOÀN HOÀN THIỆN THỂ CHẾ SỐ (09 nhiệm vụ)”; thay cụm từ “PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ (07 nhiệm vụ)” bằng cụm từ “PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ (08 nhiệm vụ)”; thay cụm từ “PHÁT TRIỂN XÃ HỘI SỐ (06 nhiệm vụ)” bằng cụm từ “PHÁT TRIỂN XÃ HỘI SỐ (08 nhiệm vụ)”; bổ sung Mục X “TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC QUỐC TẾ” gồm 01 nhiệm vụ vào sau Mục IX.

c) Bổ sung 05 nhiệm vụ theo **Phụ lục III** ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Đỗ Hùng Đức

Phụ lục I
DANH MỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ MỤC TIÊU
CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2030

*(Kèm theo Quyết định số 2310/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang)*

TT	Mục tiêu	Đến hết năm 2025	Đến hết năm 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Ghi chú
II	Phát triển nguồn lực				
5	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức thuộc đối tượng triển khai có tài khoản và được đào tạo sử dụng nền tảng trợ lý AI công vụ.	-	100%	Sở Nội vụ	Mục tiêu bổ sung mới (Cụ thể hóa mục tiêu số 11 Phụ lục I Quyết định số 1266/QĐ-TTg)
8	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp tỉnh được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.	-	100%	Sở Nội vụ	Mục tiêu sửa đổi, bổ sung (Cụ thể hóa mục tiêu số 9 Phụ lục I Quyết định số 1266/QĐ-TTg)
9a	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số, công nghệ thông tin được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật công nghệ số.	-	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Mục tiêu bổ sung mới (Cụ thể hóa mục tiêu số 10 Phụ lục I Quyết định số 1266/QĐ-TTg)
10a	Số lượt người trong độ tuổi lao động được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cơ bản.	-	Tối thiểu 200.000 lượt người trong độ tuổi lao động	Sở Nội vụ	Mục tiêu bổ sung mới (Cụ thể hóa mục tiêu số 24 Phụ lục I Quyết định số 1266/QĐ-TTg)
III	Phát triển chuyển đổi số				
12	Quy mô kinh tế số trong GRDP	-	20%	Sở Khoa học và Công nghệ; Thống kê tỉnh	Mục tiêu sửa đổi, bổ sung (Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyền Quang lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030)
20	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của tỉnh được số hóa, chuẩn hóa, kết nối, liên thông, phân quyền và sẵn sàng khai thác cho AI.	-	100%	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Mục tiêu sửa đổi, bổ sung (Cụ thể hóa mục tiêu số 5 Phụ lục I Quyết định số 1266/QĐ-TTg)
28	Tỷ lệ trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh được nâng cấp theo hướng tích hợp AI phục vụ phân tích, dự báo, cảnh báo, giám sát và hỗ trợ ra	-	100%	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Khoa học	Mục tiêu bổ sung mới (Cụ thể hóa mục tiêu số 6 Phụ lục I Quyết định số 1266/QĐ-TTg)

TT	Mục tiêu	Đến hết năm 2025	Đến hết năm 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Ghi chú
	quyết định.			và Công nghệ	
29	Tỷ lệ số chỉ tiêu thống kê thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê đủ điều kiện được biên soạn từ nguồn dữ liệu hành chính.	-	70%	Thống kê tỉnh	Mục tiêu bổ sung mới (Cụ thể hóa mục tiêu số 8 Phụ lục I Quyết định số 1266/QĐ-TTg)
30	Tham gia khai thác, cung cấp dữ liệu trên các sản phẩm được cơ quan có thẩm quyền cho phép hoạt động, bảo đảm an toàn và tuân thủ quy định của pháp luật.	-	Có tham gia	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành	Mục tiêu bổ sung mới (Cụ thể hóa mục tiêu số 15 Phụ lục I Quyết định số 1266/QĐ-TTg)
31	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	-	99%	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Mục tiêu bổ sung mới (Cụ thể hóa mục tiêu số 2 Phụ lục I Quyết định số 1266/QĐ-TTg)
32	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước có hồ sơ điện tử theo quy định.	-	100%	Sở Nội vụ	Mục tiêu bổ sung mới (Cụ thể hóa mục tiêu số 7 Phụ lục I Quyết định số 1266/QĐ-TTg)
33	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực thương mại tham gia các sản phẩm thương mại điện tử lớn trong và ngoài nước.	-	45%	Sở Công Thương	Mục tiêu bổ sung mới (Cụ thể hóa mục tiêu số 17 Phụ lục I Quyết định số 1266/QĐ-TTg)
34	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, sử dụng nền tảng “mô hình như một dịch vụ”, tác nhân AI hoặc giải pháp AI dùng chung.	-	>40%	Sở Khoa học và Công nghệ	Mục tiêu bổ sung mới (Cụ thể hóa mục tiêu số 19 Phụ lục I Quyết định số 1266/QĐ-TTg)
35	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.	-	≥95%	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 4	Mục tiêu bổ sung mới (Cụ thể hóa mục tiêu số 21 Phụ lục I Quyết định số 1266/QĐ-TTg)
36	Tỷ lệ người dân được lập sổ sức khỏe điện tử.	-	100%	Sở Y tế	Mục tiêu bổ sung mới (Cụ thể hóa mục tiêu số 23 Phụ lục I Quyết định số 1266/QĐ-TTg)

Phụ lục II
DANH, MỤC CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2045
(Kèm theo Quyết định số 2310/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang)

TT	Mục tiêu đến năm 2045	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp
1	Phần đầu tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của tỉnh đạt 40%; kinh tế số trở thành một trong những động lực phát triển chủ yếu của kinh tế tỉnh.	1. Sở Khoa học và Công nghệ là đầu mối chủ trì theo dõi, đánh giá. 2. Sở Tài chính, Thống kê tỉnh là đầu mối thống kê.	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Phụ lục III
DANH MỤC BỔ SUNG MỘT SỐ NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRỌNG TÂM ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Quyết định số 2310/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
I	HOÀN THIỆN THỂ CHẾ SỐ					
9	Rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với công nghệ, sản phẩm, dịch vụ và mô hình kinh doanh số mới, bảo đảm phù hợp điều kiện thực tế của tỉnh và quy định của pháp luật.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; cơ quan, đơn vị liên quan	2026 - 2030	Báo cáo rà soát, đề xuất; kế hoạch hoặc văn bản triển khai theo thẩm quyền	Nhiệm vụ bổ sung mới (Cụ thể hóa nhiệm vụ số 14 Mục II Phụ lục II Kế hoạch số 63/KH-UBND)
VIII	PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ					
8	Phát huy vai trò của cơ quan nhà nước trong tạo lập thị trường cho sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trong nước; rà soát, đề xuất và tổ chức thực hiện theo thẩm quyền các hình thức đặt hàng, giao nhiệm vụ, mua sắm, thuê dịch vụ đối với sản phẩm, dịch vụ số Make in Viet Nam, bảo đảm đúng quy định của pháp luật.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường; cơ quan, đơn vị liên quan	2026 - 2030	Kế hoạch, văn bản triển khai; sản phẩm, dịch vụ số trong nước được xem xét, lựa chọn, sử dụng theo quy định	Nhiệm vụ bổ sung mới (Cụ thể hóa nhiệm vụ số 1 Mục III và nhiệm vụ số 6 Mục VI Phụ lục II Kế hoạch số 63/KH-UBND)
IX	PHÁT TRIỂN XÃ HỘI SỐ					

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
7	Phát triển ứng dụng công dân số của tỉnh, tích hợp các tiện ích của địa phương, kết nối tới VNeID thông qua dịch vụ định danh, xác thực điện tử theo hướng dẫn của Bộ Công an.	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường; cơ quan, đơn vị liên quan	2026 - 2030	Ứng dụng công dân số của tỉnh được hình thành, phát triển, tích hợp tiện ích và kết nối với VNeID theo hướng dẫn của Bộ Công an	Nhiệm vụ bổ sung mới (Cụ thể hóa nhiệm vụ số 41 Phụ lục II Quyết định số 1266/QĐ-TTg)
8	Đẩy mạnh hoạt động của Mạng lưới chuyển đổi số tại cơ sở, đặc biệt là các Tổ công nghệ số cộng đồng; theo dõi, đôn đốc thực hiện chính sách hỗ trợ Tổ công nghệ số cộng đồng theo Nghị quyết số 10/2026/NQ-HĐND ngày 22/4/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường; cơ quan, đơn vị liên quan	2026 - 2030	Mạng lưới chuyển đổi số tại cơ sở được duy trì, hoạt động thường xuyên; chính sách hỗ trợ Tổ công nghệ số cộng đồng được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định	Nhiệm vụ bổ sung mới (Cụ thể hóa nhiệm vụ số 44 Phụ lục II Quyết định số 1266/QĐ-TTg)
X	TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC QUỐC TẾ					
1	Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và phân công của cơ quan Trung ương, chủ động tham gia	Các sở, ban, ngành; Ủy ban	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Ngoại vụ; Công	2026 - 2030	Chương trình, kế hoạch hoặc văn bản triển	Nhiệm vụ bổ sung mới; thực hiện theo phân công và thẩm

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm	Ghi chú
	thực hiện các chương trình, sáng kiến, tiêu chuẩn, quy chuẩn và khuôn khổ hợp tác quốc tế về hạ tầng số, dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, an toàn thông tin mạng, định danh số, chữ ký số, thanh toán số và kinh tế số; bảo đảm thiết thực, hiệu quả, phù hợp điều kiện của tỉnh.	nhân dân các xã, phường	an tỉnh; các cơ quan, đơn vị liên quan		khai; báo cáo kết quả tham gia	quyền (<i>Cụ thể hóa các nhiệm vụ tại Mục VII Phụ lục II Kế hoạch số 63/KH-UBND</i>)

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TUYỀN QUANG XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 160 - Đường Trần Hưng Đạo - P. Minh Xuân - T. Tuyền Quang;

Điện thoại liên hệ: 0207.3822.475;

E-mail: congbao tinh tuyen quang@gmail.com;

Website: congbao.tuyenquang.gov.vn.